

Bản án số: 88/2020/DS-PT  
Ngày 3 tháng 7 năm 2020  
“V/v: Tranh chấp Đòi lại tài sản;  
Hợp đồng cung ứng dịch vụ  
và đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Hoàng Anh

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Ông Trương Văn Tâm

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngân –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:  
Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 3 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2020/TLPT-DS ngày 9 tháng 3 năm  
2020, về tranh chấp: “Tranh chấp Đòi lại tài sản; Hợp đồng cung ứng dịch vụ và đòi  
bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của  
Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2020/QĐ-PT ngày  
20/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐ-PT ngày 9/6/2020; Giữa các  
đương sự:

*1. Nguyên đơn: Tổng công ty B;* Địa chỉ trụ sở: Số 5, đường P, phường M, quận  
N, thành phố Hà Nội.

*+Người đại diện theo pháp luật:* Ông Chu Quang H – Chức vụ: Tổng giám đốc  
(Vắng mặt).

*+Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Minh C – Chức vụ: Phó giám đốc  
B tỉnh B. (Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2019). Có mặt

*+ Người đại diện theo ủy quyền lại:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số  
557, đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Văn bản ủy quyền  
ngày 24/6/2019). Có mặt

*2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1974;* Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thị xã P, tỉnh Bà  
Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

+Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc H, Luật sư – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Đoàn Thị L, sinh 1974.( Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn ông Dương Minh C trình bày:Nhà đất của B Văn hóa xã T (sau đây gọi tắt là B T), cụ thể ở thửa đất số 161B, tờ bản đồ số 14, diện tích khoảng 700m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 3, xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là của Tổng Công ty B Việt Nam (sau đây gọi tắt là B Việt Nam) giao cho B tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là B tỉnh) quản lý, sử dụng để sản xuất kinh doanh, cung cấp các dịch vụ công ích và phục vụ nhiệm vụ C trị và kinh tế xã hội tại địa phương. Thời gian từ năm 2009 đến tháng 3/2018, B tỉnh đã ủy quyền cho B huyện Tân Thành (sau đây gọi tắt là B huyện) ký các hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ Bưu C viễn thông và các hợp đồng thuê khoán với bà Đoàn Thị L để thực hiện công việc bưu C chuyển phát, tài C bưu C, phân phối truyền thông, phục vụ hoạt động văn hóa xã tại B T. Theo nội dung hợp đồng: Bà L được giao sử dụng, bảo quản tài sản tại trụ sở B T bao gồm Nhà B văn hóa xã T và các tài sản khác phục vụ cho hoạt động cung cấp các dịch vụ Bưu C, Viễn thông và phục vụ hoạt động văn hóa xã. Đồng thời do bà L có hoàn cảnh khó khăn, không có nơi ở ổn định nên B đã cho bà L sinh sống ở tại trụ sở B T.

B xác định các hợp đồng đã ký với bà L đều là Hợp đồng dân sự, không phải hợp đồng lao động, không có mức tiền lương mà căn cứ vào hiệu quả công việc của bà L để chi trả thù lao hoa hồng. Hợp đồng cuối cùng B ký kết với bà L là hợp đồng Đại lý số 49/HĐTK-2017 ngày 01/9/2017 (gọi tắt là hợp đồng 49) với thời hạn từ 01/9/2017 đến hết 31/12/2017.

Từ ngày 01/01/2018, B không tiếp tục ký hợp đồng với bà L nữa, với lý do: Bà L không có trình độ tin học để cập nhật dữ liệu và làm việc trên máy tính, đồng thời trong thời gian 3 tháng đảm nhiệm Trưởng B T, bà L đã không hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu hàng tháng của ngành B.

Căn cứ điểm b, Khoản 10.1 và 10.3 Điều 10 Hợp đồng 49 quy định Hợp đồng hết hạn mà không gia hạn đồng; B không còn nhu cầu thuê bà L nữa và trong trường hợp bà L không hoàn thành nhiệm vụ thì B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng là đúng theo nội dung các bên đã thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên do bà L không có công việc và đợi giải quyết chế độ cho bà L nên từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2018, B vẫn để cho bà L được tiếp tục làm việc. Đến ngày 31/3/2018, B đã gặp trực tiếp bà L thông báo chấm dứt hợp đồng yêu cầu bà L bàn giao công việc và trụ sở B T vào ngày 01/4/2018 nhưng bà L không đồng ý. Sau đó B cũng như UBND xã T có nhiều thông báo yêu cầu bà L di dời nhà tạm và tài sản riêng của bà L trả lại trụ sở cho B nhưng bà L không chấp hành. Do đó để bảo đảm cho việc hoạt động của B T,

Nay, B khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+Buộc bà L di dời tài sản và trả lại trụ sở B T cho B Việt Nam. Trường hợp bà L di dời thì B Việt Nam sẽ hỗ trợ cho bà L số tiền 42.000.000 đồng để tìm nơi ở mới.

Buộc bà L phải bàn giao sổ sách, tài sản liên quan đến công việc B.

Buộc bà L thanh toán số tiền 10.913.168 đồng, từ việc bán hàng BTCOM cho B.

Buộc bà L bồi thường thiệt hại số tiền 56.808.000 đồng, là tiền mất doanh thu trong thời gian B ngừng hoạt động.

Đối với yêu cầu của bà L, thì B có ý kiến như sau:

*Đối với yêu cầu trả tiền thưởng tết và tiền lương tháng 2, 3/2018:* B đã tính toán số tiền chưa thanh toán cho bà L bao gồm tiền thưởng tết và tiền lương tháng 2, 3/2018 là 5.643.510 đồng nhưng bà L từ chối không nhận, vì cho rằng đây chỉ là tiền Thù lao tháng 2, 3/2018 và chưa có tiền thưởng tết năm 2018. Nay B đồng ý thanh toán số tiền 5.643.510 đồng cho bà L.

*Đối với yêu cầu tiếp tục ký hợp đồng đại lý dịch vụ B với bà L; yêu cầu bổ nhiệm bà L làm trưởng B điểm B văn hóa xã T:* B không đồng ý vì bà L không có trình độ tin học nên không đáp ứng được nhu cầu công việc của B hiện nay.

*Đối với yêu cầu bổ nhiệm lại chức vụ trưởng B điểm B văn hóa xã T thì:* B không đồng ý vì Năm 2017 đã bổ nhiệm nhưng bà L không hoàn thành nhiệm vụ trưởng B T đã không bổ nhiệm lại.

*Đối với việc bà L yêu cầu tiền sửa chữa trụ sở B văn hóa xã T là 309.000.000 đồng:* B không đồng ý, vì bà L tự ý sửa chữa, không được phép của B và việc sửa chữa trụ sở là để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt cá nhân của gia đình bà L.

Đối với việc bà L yêu cầu bồi thường do không được làm việc trong thời gian 19 tháng từ tháng 4/2018 đến nay (tháng 10/2019) theo mức lương tối thiểu vùng:  $3.670.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} = 69.730.000 \text{ đồng}$  thì B không đồng ý, vì hợp đồng B ký kết với bà L được xác định đây là hợp đồng dân sự, việc chấm dứt hợp đồng đã thực hiện đúng quy định.

*\*/ Tại các bản khai bị đơn bà Đoàn Thị L và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Ngày 01/3/2009 bà L và B Tân Thành ký kết hợp đồng làm đại lý cung cấp dịch vụ Bru C viễn thông và phục vụ hoạt động văn hóa tại địa điểm B – văn hóa xã T; sau đó mỗi năm các bên sẽ ký lại hợp đồng mới. Đồng thời do bà L không có chỗ ở, nên đã được B tạo điều kiện cho ở tại trụ sở B T. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã hoàn thành tốt các công việc được giao và không tranh chấp gì.

Đến ngày 01/9/2017 ký kết Hợp đồng số 49 với thời hạn từ 01/9/2017 đến hết 31/12/2017. Sau đó B không tiếp tục ký kết bất cứ hợp đồng nào với bà L, nhưng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/3/2018, bà L vẫn tiếp tục thực hiện các công việc được giao theo Hợp đồng 49. Trong thời gian này bà L mới được nhận lương tháng 01/2018 với số tiền 1.225.481 đồng; còn tiền lương tháng 2, tháng 3/2018 cho đến nay bà vẫn chưa được nhận.

Ngày 27/3/2018 Đoàn kiểm tra của B đến gặp bà L và thông báo trong thời hạn 03 ngày bà L phải bàn giao công việc và chỗ ở tại B T cho nhân viên mới vào làm. Bất ngờ với thông báo của B tỉnh, bà L đã yêu cầu B tỉnh cung cấp văn bản giấy tờ về

việc yêu cầu bà L nghỉ việc và bản thanh lý hợp đồng nhưng B tỉnh không cung cấp được.

Từ tháng 4/2018 đến nay, do bà L không được giao công việc nên bà L đã đóng cửa B T và ngưng hoạt động cho đến nay.

Vì vậy bà L cho rằng việc B tỉnh chưa thanh lý hợp đồng, chưa cung cấp lý do chấm dứt hợp đồng, chưa trả tiền lương và tiền tết trong thời gian bà L làm việc tháng 2, 3 năm 2018 và tự ý chấm dứt hợp đồng 49 là trái quy định của pháp luật nên bà L không bàn giao trụ sở và đề nghị B phải thanh lý hợp đồng với bà L.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu B Việt Nam:

+Tiếp tục thực hiện hoặc ký lại hợp đồng 49 với bà L và bổ nhiệm bà L giữ chức vụ Trưởng B xã T tính từ tháng 01/2018 cho đến nay.

+Trả tiền lương tháng 2, 3 năm 2018 với số tiền: 5.643.510 đồng; Trả tiền tết năm 2018 số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng);

+Trường hợp, B không đồng ý ký hợp đồng với bà L nữa thì bà L yêu cầu B phải thanh toán các khoản tiền lương trong thời gian B đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà L tạm tính từ tháng 4/2018 đến nay (tháng 10/2019) theo mức lương tối thiểu vùng là  $3.670.000đ \times 19 \text{ tháng} = 69.730.000 \text{ đồng}$ .

+Yêu cầu B thanh toán các khoản tiền mà bà L đã bỏ ra để sửa chữa trụ sở B (Bao gồm tiền thay các tấm kính, tiền làm nhà tạm, tiền thay trần nhà, tiền thay ống nước, tiền thay dây điện, tiền bảo trì, gia trát nhà khỏi dột vào mùa mưa) với tổng số tiền 309.000.000 đồng.

Bà L bổ sung yêu cầu khởi kiện, với nội dung: Bà L không đồng ý việc Tòa án nhập vụ án, vì bà L khởi kiện trước và tranh chấp của bà L là Tranh chấp về hợp đồng thuê khoán và cung ứng dịch vụ, không liên quan đến tranh chấp đòi lại tài sản do B khởi kiện nên việc nhập vụ án là trái quy định của pháp luật; đồng thời Tòa án xác định bà L là bị đơn trong vụ án là không đúng mà cần xác định bà L là nguyên đơn của vụ án mới đúng.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ. Áp dụng các quy định của pháp luật; Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty B Việt Nam đối với bà Đoàn Thị L.

+Buộc bà Đoàn Thị L phải trả lại lô đất tại trụ sở B Văn hóa xã T thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp 3, xã T, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; và toàn bộ công trình kiến trúc trên đất cùng thiết bị tài sản theo biên bản thẩm định tài sản ngày 04/9/2019 cho Tổng công ty B Việt Nam.

+Buộc bà Đoàn Thị L phải tháo dỡ toàn bộ công trình nhà tạm có diện tích  $10m^2$  tại các điểm 7, 8, 9, 11 theo Sơ đồ vị trí lập ngày 28/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thị xã Phú Mỹ.

+Tuyên Hợp đồng Đại lý cung cấp dịch vụ Bưu C chuyển phát, tài C bưu C, phân phối truyền thông, phục vụ hoạt động văn hóa tại B văn hóa xã, giữa Tổng công ty B Việt Nam và bà Đoàn Thị L chấm dứt kể từ ngày 31/3/2018.

+Buộc bà Đoàn Thị L phải hoàn trả số tiền 10.913.168 đồng (mười triệu chín trăm mười ba nghìn một trăm sáu mươi tám đồng) cho Tổng công ty B Việt Nam.

+Đình chỉ yêu cầu bà Đoàn Thị L phải bồi thường số tiền 56.808.000 đồng cho Tổng công ty B Việt Nam.

\*/Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị L đối với Tổng công ty B Việt Nam.

+Buộc Tổng công ty B Việt Nam phải trả tiền thu nhập tháng 2, tháng 3/2018 số tiền 5.643.510 đồng (năm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm mười đồng) cho bà Đoàn Thị L.

+Buộc Tổng công ty B Việt Nam phải bồi thường thu nhập tháng 4/2018 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho bà Đoàn Thị L.

+Buộc tổng công ty B Việt Nam thanh toán cho bà Đoàn Thị L chi phí di dời và thuê nơi ở mới với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

\*/ Không chấp nhận yêu cầu Tổng công ty B Việt Nam trả số tiền 309.000.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu đồng) của bà Đoàn Thị L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí do vẽ, định giá, nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự .

Ngày 11/12/2019, Bị đơn bà L kháng cáo đối với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: *Hủy bản án sơ thẩm và bảo vệ quyền lợi cho bà L*. Hủy bản án sơ thẩm với lý do: Về thủ tục tố tụng, Tòa án sơ thẩm nhập vụ án và xác định bà L là bị đơn là không đúng quy định của pháp luật: Vì bà L khởi kiện trước và tranh chấp của bà L là Tranh chấp về hợp đồng thuê khoán và cung ứng dịch vụ, không liên quan đến tranh chấp đòi lại tài sản do B khởi kiện nên việc nhập vụ án là trái quy định của pháp luật; đồng thời Tòa án xác định bà L là bị đơn trong vụ án là không đúng mà cần xác định bà L là nguyên đơn mới đúng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+Một số đương sự vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ.

+Nguyên đơn B giữ nguyên nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện là không buộc bà L phải bồi thường thiệt hại số tiền 56.808.000 đồng do mất doanh thu trong thời gian B ngừng hoạt động. Còn các yêu cầu khởi kiện khác vẫn giữ nguyên. Bị đơn bà L giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo.

+Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét xử công khai tại phiên tòa, nhận thấy: Nội dung kháng cáo của bà L có căn cứ để chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị L trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà pháp luật quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét việc B rút một phần yêu cầu khởi kiện là không buộc bà L phải bồi thường thiệt hại số tiền 56.808.000 đồng do mất doanh thu trong thời gian B ngừng hoạt động. Việc rút yêu cầu này là tự nguyện. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút này.

[3] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về thủ tục tố tụng: Bà L cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm nhập vụ án và xác định bà L là bị đơn là không đúng quy định của pháp luật.

*Hội đồng xét xử xét thấy:*

Ngày 15/7/2019 Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 85/2019/TLST-DS, giữa nguyên đơn là bà Đoàn Thị L với bị đơn là Tổng công ty B Việt Nam, về việc Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ. Ngày 16/7/2019 Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 87/2019/TLST-DS, giữa nguyên đơn Tổng công ty B Việt Nam với bị đơn là bà Đoàn Thị L, về việc Tranh chấp Đòi lại tài sản.

Cả 2 vụ án có cùng đương sự và có các quan hệ tranh chấp liên quan đến nhau. Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đã ra quyết định số 01/2019/QĐST-DS ngày 15/10/2019 nhập vụ án thụ lý số 85/TLST-DS vào vụ án thụ lý số 87/2019/TLST-DS. Thành một vụ án số 87/2019/TLST-DS ngày 16/7/2019, về tranh chấp “ Hợp đồng cung ứng dịch vụ; Đòi lại tài sản và đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” Giữa: nguyên đơn Tổng công ty B Việt Nam với bị đơn là bà Đoàn Thị L. Các yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, đảm bảo đúng pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm nhập 2 vụ án thành 1 vụ án và xác định tư cách của các đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] *Về nội dung kháng cáo của bà L: Yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi cho bà L. Bà L yêu cầu Quyền lợi:*

+ Buộc B phải trả cho bà L: Tiền Thù lao tháng 2 và tháng 3 năm 2018 với số tiền là 5.643.510 đồng; Tiền tết năm 2018 số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng);

+ Tiếp tục thực hiện, ký kết hợp đồng số 49 và bổ nhiệm bà L giữ chức vụ Trưởng B xã T tính từ tháng 01/2018 cho đến nay.

+ Yêu cầu B thanh toán các khoản tiền mà bà L đã bỏ ra để sửa chữa trụ sở B (Bao gồm tiền thay các tấm kính, tiền làm nhà tạm, tiền thay trần nhà, tiền thay ống nước, tiền thay dây điện, tiền bảo trì, gia trát nhà khỏi dột vào mùa mưa) với tổng số tiền 309.000.000 đồng.

+Trường hợp, B không đồng ý tiếp tục ký hợp đồng và nhận bà L trở lại làm việc thì bà L yêu cầu B phải thanh toán các khoản tiền lương trong thời gian B đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà L (tạm tính từ tháng 4/2018 đến nay theo mức lương tối thiểu vùng là 3.670.000đ x 19 tháng = 69.730.000 đồng).

*Hội đồng xét xử xét thấy:*

Từ năm 2009 đến năm 2017 B và bà L ký kết các hợp đồng dân sự về việc thuê khoán, làm đại lý cung ứng dịch vụ bưu C chuyển phát, tài C bưu C, phân phối truyền thông, phục vụ hoạt động văn hóa tại B văn hóa xã T. Sau mỗi lần hết thời hạn thì ký kết hợp đồng khác và Hợp đồng cuối cùng ký kết là hợp đồng số 49/HĐKT-2017 vào ngày 1/9/2017, thời hạn kết thúc là ngày 31/12/2017. Đến ngày 27/3/2018, B báo cho bà L biết đến ngày 1/4/2018 bà L phải bàn giao công việc và chấm dứt hợp đồng, không ký lại hợp đồng với bà L nữa, vì bà L không đáp ứng được công việc hiện nay. Do vậy:

+ Bà L yêu cầu B trả tiền thù lao tháng 2 và tháng 3 năm 2018 với số tiền 5.643.510 đồng và tiền thù lao chưa trả cho ông Đinh Văn Thêm (chồng bà L) là 5.600.000 đồng. Tổng cộng là 11.244.218 đồng, B thừa nhận đúng nên đồng ý trả số tiền này cho bà L. Đối với yêu cầu trả tiền thưởng tết năm 2018 với số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng): Căn cứ thông báo số 76 /TB- BĐBRVT ngày 5/2/2018 của B tỉnh thì tiền thưởng tết cho đối tượng lao động hợp đồng thuê khoán thì mỗi người là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Do đó yêu cầu của bà L yêu cầu B trả tiền thưởng tết năm 2018 số tiền 14.000.000 đồng là không có căn cứ, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu là tiền thưởng tết 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) (BL106 ); Số tiền B phải trả cho bà L là 12.244.218 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L đã xác nhận bà L đã nhận tiền Thù lao của ông Thêm là 5.600.000 đồng và tiền thưởng tết 1.000.000 đồng = 6.600.000 đồng.

Tổng số tiền B còn nợ bà L là 5.644.218 đồng (12.244.218 đồng - 6.600.000 đồng = 5.644.218 đồng).

Tổng số tiền bán hàng bà L chưa nộp cho B là 10.913.168 đồng và ông Thêm chưa nộp là 1.466.000 đồng = 12.379.168 đồng. (BL 109-110)

Khấu trừ 12.379.168 đồng - 5.644.218 đồng = 6.734.950 đồng (Bà L có nghĩa vụ trả cho B)

+ Về việc bà L yêu cầu được tiếp tục thực hiện hoặc ký kết hợp đồng mới nội dung ký như hợp đồng 49 và bổ nhiệm bà L giữ chức vụ Trưởng B T tính từ tháng 01/2018 cho đến nay.

*Hội đồng xét xử thấy:*

Hợp đồng số 49 là hợp đồng dân sự, Bà L với B đã ký kết các điều khoản quy định rõ ràng về thời hạn và việc hai bên chấm dứt hợp đồng được thể hiện tại Điều 10, 11 Hợp đồng 49: *“Có thời hạn từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 31/12/2017”. Chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp, tại điểm a, mục 10.1; điểm g, e mục 10.3, quy định: Hợp đồng hết hạn mà không được gia hạn; Bên B không hoàn thành nhiệm vụ; Bên A không còn nhu cầu thuê bên B”*

Như vậy, Hợp đồng 49 đã chấm dứt từ thời gian hết ngày 31/12/2017. Do bà L không có trình độ cơ bản tin học, không biết sử dụng máy vi tính nên không đáp ứng

được công việc của B (được thể hiện bà L không có chứng chỉ hoặc bằng cấp tin học), không hoàn thành nhiệm vụ. Bà L đã tự đóng cửa, cho ngừng hoạt động công việc của B T từ tháng 4/2018 cho đến nay; B không có nhu cầu ký kết thuê bà L làm đại lý nữa nên không thực hiện hoặc tiếp tục ký kết hợp đồng như nội dung hợp đồng số 49 với bà L nữa. Do đó B chấm dứt hợp đồng số 49 với bà L là có căn cứ. Nên không chấp nhận yêu cầu này của bà L.

Tuy nhiên về thời hạn thông báo chấm dứt hợp đồng: Theo Khoản 1 Điều 520 Bộ luật dân sự, quy định “*Trường hợp việc tiếp tục thực hiện công việc không có lợi cho bên sử dụng dịch vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nhưng phải báo cho bên cung ứng dịch vụ biết trước một thời gian hợp lý; bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bên cung ứng dịch vụ đã thực hiện và bồi thường thiệt hại*”;

Theo Điều 8.6, Điều 10 của Hợp đồng 49 quy định “*Hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày*”

Nhận thấy thời điểm B thông báo chấm dứt hợp đồng với bà L vào ngày 27/3/2018 sẽ chấm dứt hợp đồng với bà L từ ngày 01/4/2018 được coi là đơn phương chấm dứt hợp đồng; Như vậy thời hạn thông báo chấm dứt hợp đồng chưa đủ 30 ngày là chưa đúng thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên. Do đó xét việc B đã đơn phương chấm dứt hợp đồng thông báo không đúng về thời hạn, đã gây thiệt hại làm ảnh hưởng công việc của bà L trong tháng 4/2018, nên buộc B phải bồi thường thiệt hại 01 tháng thu nhập cho bà L. B và bà L đều xác nhận bà L có mức thu nhập bình quân khi ký hợp đồng làm Đại lý với B là từ 3.000.000đồng đến 6.000.000 đồng/tháng, do đó cần buộc B bồi thường cho bà L 1 tháng tiền thù lao tương đương số tiền 5.000.000 đồng.

Khấu trừ 6.734.950 đồng - 5.000.000 đồng = 1.734.950 đồng (Bà L có nghĩa vụ trả cho B).

+ Về việc bà L yêu cầu B bổ nhiệm bà L tiếp tục giữ chức vụ Trưởng B xã tính từ tháng 01/2018 cho đến nay.

Hội đồng xét xử thấy: Năm 2017 bà L được giao nhiệm vụ giữ chức Trưởng B T, với thời gian là 3 tháng (Quyết định số 327/QĐ-BĐBRVT ngày 24/7/2017 từ ngày 1/7/2017 đến ngày 1/10/2017). Trong 3 tháng này bà L làm trưởng B xã nhưng không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt chỉ tiêu doanh thu mà ngành đề ra (Theo quy định của ngành B tại văn bản số 2861/BĐVN ngày 12/7/2017 thì doanh thu năm 2017 tối thiểu là 20.00.000 đồng/ tháng, nhưng bà L doanh thu tháng 7 đạt 20.178.297 đồng; Tháng 8: 8.487.538 đồng; Tháng 9: 16.593.242 đồng; Nên khi hết hạn 3 tháng B đã không tiếp tục ký quyết định giao nhiệm vụ lại cho bà L làm trưởng B xã T nữa. Do đó đương nhiên bà L không còn là Trưởng B T nữa và hiện nay B không còn nhu cầu ký hợp đồng hợp tác làm đại lý dịch vụ với bà L nữa do bà L không đáp ứng được công việc. Nên yêu cầu này của bà L là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

+ Về việc bà L yêu cầu B thanh toán các khoản tiền mà bà L đã bỏ ra để sửa chữa trụ sở B (Bao gồm tiền thay các tấm kính, tiền làm nhà tạm, tiền thay trần nhà, tiền thay ống nước, tiền thay dây điện, tiền bảo trì, gia trát nhà khỏi dột vào mùa mưa) với tổng số tiền 309.000.000 đồng.



*Hội đồng xét xử thấy:* Đối với yêu cầu này thì bà L không đưa ra được tài liệu chứng cứ việc sửa chữa là do yêu cầu của B và bà L cũng thừa nhận bà L tự sửa chữa do trụ sở bị hư hỏng. Việc bà L tự sửa chữa trụ sở, làm nhà tạm không được phép của B mà bà L sửa chữa để sử dụng riêng; Nên yêu cầu này không được chấp nhận.

+ Về yêu cầu của bà L: Trường hợp, B không đồng ý tiếp tục ký hợp đồng và nhận bà L trở lại làm việc thì bà L yêu cầu B phải thanh toán các khoản tiền lương trong thời gian B đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà L tạm tính từ tháng 4/2018 đến nay (tháng 10/2019) theo mức lương tối thiểu vùng là 3.670.000đ x 19 tháng = 69.730.000 đồng.

*Hội đồng xét xử thấy:*

Việc bà L ký hợp đồng số 49 với B là hợp đồng làm đại lý cung ứng dịch vụ B là hợp đồng dân sự, nên khi chấm dứt hợp đồng không phải trợ cấp mất việc, trợ cấp thôi việc như chấm dứt hợp đồng lao động. Mà tại phiên tòa B tự nguyện hỗ trợ một khoản tiền cho bà L tìm công việc khác là 2 tháng lương tương đương với số tiền 10.000.000 đồng, nên hội đồng xét xử ghi nhận.

*[3.3] Về yêu cầu khởi kiện của B:*

Buộc bà L di dời tài sản và trả lại trụ sở B T cho B Việt Nam. B Việt Nam sẽ hỗ trợ cho bà L số tiền 42.000.000 đồng để di dời và tìm nơi ở mới.

Buộc bà L phải bàn giao sổ sách, tài sản liên quan đến công việc B.

Buộc bà L thanh toán số tiền 10.913.168 đồng, từ việc bán hàng BTCOM cho B.

*Hội đồng xét xử thấy:*

+ Xét việc B cho phép bà L ở tại trụ sở B T thì thấy:

Theo Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Dân sự, quy định “*Tổ chức C trị, tổ chức C trị - xã hội, tổ chức C trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản được Nhà nước giao đúng mục đích, phạm vi, theo cách thức, trình tự do pháp luật quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quy định trong điều lệ.*”. Theo Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1531/QĐ – BTTTT ngày 20/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông, Điều 2 Quyết định 199/QĐ – BĐVN-HĐTV ngày 11/10/2018, Điều lệ, xác định mục đích Nhà nước giao thửa đất số 4 (cũ 161B) cho B tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để làm địa điểm kinh doanh phục vụ cho công tác C trị, kinh tế, văn hóa xã hội tại địa phương và B tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng cơ sở nhà đất đúng mục đích sử dụng đất được Nhà nước giao theo quy định pháp luật. Do đó có căn cứ xác định việc B cho bà L ở nhờ tại trụ sở B là không đúng quy định. Để bảo đảm cho hoạt động của B T, buộc bà L có nghĩa vụ di dời tài sản riêng và trả lại trụ sở B T, thửa thừa số 04 (Thửa cũ 161B), tờ bản đồ số 10 (tờ bản đồ cũ là 14), tọa lạc tại Ấp 3, xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; và toàn bộ thiết bị tài sản của B mà bà L đang quản lý theo biên bản thẩm định tài sản ngày 04/9/2019, cho B.

Căn cứ khoản 1 Điều 166, 202 Bộ luật dân sự, việc B khởi kiện đòi bà L phải di dời tài sản riêng của bà L ra khỏi trụ sở B và trả lại trụ sở B T cho B Việt Nam là có căn cứ.

+ Về việc B buộc bà L phải thanh toán số tiền 10.913.168 đồng, từ việc bán hàng BTCOM cho B.

Như đã phân tích ở trên: Tổng số tiền bán hàng bà L chưa nộp cho B là 10.913.168 đồng và ông Thêm (chồng bà L) chưa nộp tiền phát COD cho B là 1.466.000 đồng = 12.379.168 đồng. (BL 109- 110).

Sau khi đã khấu trừ các khoản tiền mà B có nghĩa vụ trả cho bà L và bà L có nghĩa vụ trả cho B thì bà L còn phải trả lại cho B số tiền là 1.734.950 đồng {12.379.168 đồng (Số tiền bà L phải cho B) – 10.644.218 đồng (Số tiền B phải trả cho bà L) = 1.734.950 đồng}

[4] Xét việc B hỗ trợ tiền cho bà L: B tự nguyện hỗ trợ cho bà L số tiền 42.000.000 đồng để di dời nhà, tài sản riêng của bà L ra khỏi trụ sở B T và để bà L tìm nơi ở mới, đồng thời hỗ trợ 10.000.000 đồng để tìm công việc mới. Đây hoàn toàn là sự tự nguyện của B, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Chi phí hết 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) Các đương sự tự nguyện nộp và đã nộp đủ. B nộp 3.000.000 đồng; bà L nộp 2.000.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Đoàn Thị L thuộc trường hợp hộ nghèo được miễn án phí dân sự nên không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng nộp theo Biên lai thu tiền số 0010094 ngày 15/7/2019 và 1.551.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001684 ngày 15/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tổng công ty B Việt Nam được hoàn trả 1.551.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng).

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đoàn Thị L, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đoàn Thị L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, như sau:

Áp dụng: Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 202, Điều 203; Điều 513, Điều 514, Điều 520, Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty B Việt Nam về việc buộc bà Đoàn Thị L phải bồi thường số tiền 56.808.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm lẻ tám ngàn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty B Việt Nam và Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị L.

+Tuyên bố hợp đồng số 49/HĐKT-2017 ngày 1/9/2017 về việc làm Đại lý cung cấp dịch vụ Bưu C chuyển phát, Tài C bưu C, phân phối truyền thông, phục vụ hoạt động văn hóa tại B văn hóa xã, giữa B huyện Tân Thành – B tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (bên A) và bà Đoàn Thị L (bên B) chấm dứt kể từ ngày 31/3/2018.

+Buộc bà Đoàn Thị L phải tháo dỡ di dời nhà tạm, tài sản riêng của bà Đoàn Thị L trên đất trả lại diện tích đất 446 m<sup>2</sup> thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp 3, xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Diện tích đất 446 m<sup>2</sup> có các điểm góc cạnh tọa độ 1, 2, 3, 4 theo Sơ đồ vị trí đất lập ngày 28/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phú Mỹ. Và Bà Đoàn Thị L phải trả lại trụ sở B xã T và toàn bộ sổ sách, tài sản thiết bị của B mà bà L đang quản lý cho Tổng công ty B Việt Nam.

+ Bà Đoàn Thị L có nghĩa vụ trả số tiền 1.734.950đ (Một triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm năm mươi đồng) cho Tổng công ty B Việt Nam.

+Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của Tổng công ty B Việt Nam:

Tổng công ty B Việt Nam hỗ trợ cho bà Đoàn Thị L số tiền 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng). {Trong đó tiền chi phí di dời tài sản và thuê nơi ở mới là 42.000.000 đồng và tiền sắp xếp tìm công việc mới với số tiền 10.000.000 đồng}

3. Chi phí tố tụng thẩm định, định giá tài sản: Chi phí hết số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Các đương sự đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ, phúc thẩm:

+ Về án phí sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị L được hoàn trả số tiền 300.000 đồng ( Ba trăm ngàn) theo biên lai thu tiền số 0010085 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tổng công ty B Việt Nam được hoàn trả 1.551.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001684 ngày 15/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Về án phí phúc thẩm: Bà L không phải nộp.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 3/7/2020.

**Nơi nhận:**

- TAND TX Phú Mỹ
- VKSND TX Phú Mỹ
- THADS TX Phú Mỹ
- VKSND tỉnh BRVT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm Phán- Chủ tọa Phiên tòa**

( Đã ký)

**Trịnh Hoàng Anh**

